

Phát triển hài hòa và động lực phát triển ở Việt Nam

Nguyễn Quang Thái¹

¹ Viện Nghiên cứu Phát triển Việt Nam.
Email: thai.nguyenquang@gmail.com

Nhận ngày 4 tháng 10 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 11 năm 2016.

Tóm tắt: Đối với các nước đang phát triển, tăng trưởng kinh tế, phân phối thu nhập và tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người là quan trọng nhất trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Áp dụng cách tiếp cận hài hòa (hay bao trùm, bao dung) trong phát triển ở Việt Nam trong những năm tới sẽ tạo động lực cho phát triển đất nước.

Từ khóa: Phát triển hài hòa, động lực phát triển, phát triển kinh tế, Việt Nam.

Abstract: For developing countries, economic growth, income distribution and equal opportunities for all are the most important in the relationship between economic development and handling of social issues. Applying the approach of inclusive growth in development in Vietnam will create more motives for the country's development in the years to come.

Keywords: Inclusive growth, motive for development, economic development, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong đổi mới và phát triển, trở thành một hình mẫu của nhiều nước, nhất là về tăng trưởng và giảm nghèo, thực hiện 8 Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG). Từ một nước thu nhập bình quân đầu người thấp, Việt Nam đến năm 2009 đã có thu nhập bình quân đầu người vượt 1.000USD/người, từ năm 2015 đã có thu nhập bình quân đầu người vượt 2.000USD/người. Tuy nhiên, nếu phân tích

sâu vào nội tại nền kinh tế có thể thấy nhiều lực cản và mất cân đối lớn. Nhiều yếu kém, nhất là về thể chế, đang kìm hãm sự phát triển, không huy động có kết quả các tiềm năng và thế mạnh của đất nước và thời đại, làm cho sức phát triển bị chậm dần. Các tác dụng tích cực của thể chế mới xây dựng trong đổi mới năm 1986 dù đã được sửa đổi, bổ sung nhưng hiệu quả đang bị thách thức lớn.

Nhìn thẳng vào sự thật, có thể thấy rõ còn nhiều yếu kém và cả tụt hậu vẫn chưa khắc phục được sau 30 năm đổi mới, nhất là

trong so sánh tương quan với các nước trong khu vực và thế giới: về năng suất lao động (NSLĐ), thu nhập bình quân, cơ cấu kinh tế và thể chế kinh tế. Báo cáo “Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, bình đẳng và dân chủ” [10] đã phân tích khá kỹ về thực trạng và đòi hỏi phải đưa Việt Nam chuyển sang giai đoạn phát triển mới, với NSLĐ vượt trội, dựa trên sự đổi mới mạnh mẽ về thể chế, khoa học công nghệ, giáo dục, sự vượt lên của khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế nội địa. Thêm vào đó, tình trạng biến đổi khí hậu và nước biển dâng cũng đang tác động rất lớn đến tiến trình phát triển bền vững đất nước, ảnh hưởng đến thành quả phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

Đặc biệt, các vấn đề xã hội đang để lại nhiều bất ổn trên nhiều chiều cạnh mà nguyên nhân chính là do chính sách và cách ứng xử của con người đối với quá trình phát triển còn nhiều bất cập. Dù hệ số GINI (hệ số biểu thị độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập) không quá cao so với các nước trong khu vực và khá ổn định (thấp hơn 0,4), nhưng khoảng cách giữa nhóm 20% dân số thu nhập cao nhất với 20% dân cư thu nhập thấp vẫn ở mức cao tới 10 lần và chiếm gần 1/2 tổng thu nhập quốc gia, tầng lớp siêu giàu ngày càng giàu thêm, phân tầng sự xa xỉ, trong khi đời sống của cư dân ở phần lớn vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và người “yếu thế” (người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em...) đang gặp khó khăn triền miên, nhất là khi gặp thiên tai.

Chính điều kiện đó đòi hỏi phải có quan điểm phát triển hài hòa về một mô thức (mô hình) phát triển cần hướng tới. Bài viết phân tích nội dung của quan điểm phát triển hài hòa và động lực phát triển trong giai đoạn mới.

2. Quan điểm về phát triển hài hòa ở Việt Nam

Phát triển (hay tăng trưởng) bao trùm, hài hòa hoặc bao dung, là một cách tiếp cận, một quan điểm về phát triển (tăng trưởng), theo đó, quá trình phát triển tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người trong việc tham gia và thụ hưởng thành quả của quá trình phát triển, không bỏ ai lại phía sau, không bỏ bên lề đối với một thành viên nào của xã hội. Phát triển hài hòa bao hàm cả các liên kết vĩ mô (với các cân đối lớn nhất của toàn hệ thống bảo đảm sự tăng trưởng hợp lý và hệ thống phân bổ nguồn lực theo tín hiệu thị trường) và vi mô (với từng cân đối cụ thể ở tầm doanh nghiệp, làng xã và cộng đồng, đảm bảo sự hài hòa tổng thể trong tiếp cận nguồn lực và thụ hưởng thành quả, tạo ra động lực tăng trưởng cho mọi người); bao hàm cả đầu vào (sự bình đẳng về cơ hội trong điều kiện tiếp cận thị trường, tài nguyên và môi trường pháp lý không thiên vị cho doanh nghiệp và cá nhân nào) và đầu ra (phân phối và phân phối lại thu nhập cho công bằng và nâng cao mức sống hợp lý cho toàn dân).

Trong khái niệm phát triển hài hòa, Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) [8], Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) [7] và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) [6] nhấn mạnh đến khía cạnh rằng mọi người đều được tham gia quá trình phát triển và cùng được hưởng thụ thành quả của phát triển. Ngân hàng Thế giới (WB) [9] thì không chỉ nhấn mạnh hài hòa và công bằng nói chung, mà còn nhấn mạnh thêm rằng, cần chú ý đặc biệt đến tầng lớp yếu thế, nhất là người nghèo, không cào bằng đơn giản.

Nhưng khác với quan điểm giảm nghèo một chiều được nhấn mạnh lâu nay, chỉ

hướng tới người nghèo, quan điểm tăng trưởng bao trùm còn hướng đến tầng lớp trung lưu và cả người có thu nhập cao để mọi người cùng tham gia vào quá trình phát triển toàn xã hội, tạo thêm thu nhập và phúc lợi cho toàn xã hội, từ đó để có nguồn lực tổng thể lớn hơn hẳn và để tạo ra cơ hội phân bổ hài hòa giữa các tầng lớp nhân dân, cho mọi người. Như vậy, tăng trưởng bao trùm sẽ mang lại chất lượng tốt hơn, số lượng nhiều hơn và từ đó không bỏ ai lại phía sau trong quá trình phát triển. Cách tiếp cận thương người nghèo đơn giản, hoặc chỉ vì người nghèo một chiều sẽ không mang lại cơm no, áo ấm cho bản thân người nghèo so với cách tiếp cận tăng trưởng bao trùm (tạo thêm nhiều việc làm có năng suất, thêm nhiều của cải cho xã hội).

Trước đây, để có công bằng người ta thường dành một phần quan trọng nguồn đầu tư và hỗ trợ xã hội trực tiếp cho người nghèo, mà chưa chú ý tạo điều kiện cho cả các tầng lớp trung lưu và giàu có hơn (để cả nước cùng được phát triển, mọi người đều được hưởng lợi). Như vậy, cách làm cào bằng bình đẳng trong ngắn hạn tưởng có thể làm cho người nghèo có thêm miếng cơm, manh áo, nhưng về dài hạn thì không làm tăng mạnh quy mô (lượng) thụ hưởng được, vì nguồn lực cả xã hội không tăng mạnh. Mới đây, nhiều huyện ở Việt Nam đã được công nhận nông thôn mới theo 19 tiêu chí, nhưng trong các huyện đó lại còn nhiều hộ nghèo, người nghèo, các khoản đầu tư được bao cấp từ ngân sách hoặc thậm chí phải vay nợ, trở thành nợ đọng. Trong khi đó, nếu cải thiện môi trường đầu tư cho các doanh nghiệp để họ có cơ hội tham gia quá trình phát triển, tạo thêm việc làm, và từ đó tăng thêm thu nhập chính đáng cho mọi người (thu nhập từ lao động và tài sản, bao

gồm cả lợi nhuận cho giới chủ) thì cả xã hội có lợi hơn về dài hạn trong kinh tế thị trường đích thực. Sự ổn định xã hội sẽ bền vững hơn.

Như vậy, dù sắc thái có khác nhau ở nước này, nước khác, nhưng tăng trưởng (phát triển) hài hòa, bao trùm đòi hỏi không chỉ đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong dài hạn, mà còn bảo đảm cơ sở cho sự tăng trưởng vững chắc, bằng cách tạo điều kiện đồng đều trong cơ hội tham gia quá trình phát triển, từ đó cùng nhau thụ hưởng công bằng thành quả của tăng trưởng.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế, cách dùng tiền để trực tiếp hỗ trợ người nghèo là cách giảm nghèo không bền vững. Cần thực hiện giảm nghèo đa mục tiêu, chú ý đến chất lượng tăng trưởng và giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo nâng cao trình độ giáo dục, tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ và trẻ em... Muốn vậy, cách làm khôn ngoan là đưa ra mô hình phát triển cho mọi nhà, bao gồm cả người nghèo. Như vậy, của cải được tạo ra cho toàn xã hội nhiều hơn, ai cũng được lợi hơn.

Trong phương thức (mô hình) phát triển bao trùm mới, tốc độ tăng trưởng không thể là mục tiêu phát triển cao nhất, mà là hệ quả của việc tìm kiếm đúng động lực (động lực cho từng cá nhân và nhóm người vì lợi ích, động lực phát triển xã hội theo nghĩa rộng nhất). Mô hình đó tạo ra sự phát triển hài hòa trong kinh tế, xã hội và tự nhiên, bảo đảm sự liên kết các mặt kinh tế, xã hội, môi trường trong một thể thống nhất với bộ đồ thể chế vững chắc, liên kết các bộ phận cấu thành trong một hệ thống toàn vẹn, phát triển [3, tr.10]. Mô hình tăng trưởng bao trùm sẽ loại trừ được cách thức cố gắng tăng trưởng bằng mọi giá, cách thức này

cuối cùng làm giảm hiệu quả và giảm thiểu cả động lực tăng trưởng của toàn xã hội trong dài hạn.

Trong quá trình phát triển, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), Việt Nam không nên chỉ chú trọng lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp, mà cần chú trọng cả khu vực nông nghiệp, nông thôn, nơi có 2/3 dân số sống ở nông thôn và 45% lực lượng lao động đang làm việc trong khu vực nông nghiệp, để có việc làm với năng suất ngày càng cao, từng bước gần bó với thị trường quốc tế, đương đầu với cạnh tranh gay gắt. Theo quan niệm đúng, CNH, HĐH không chỉ là phát triển công nghiệp, mà là phát triển toàn bộ nền kinh tế theo “phong cách” công nghiệp. Muốn vậy, cần tạo điều kiện để chuyển đổi lao động thuần nông sang ngành nghề khác với năng suất lao động cao hơn ở thành thị hoặc ngay tại nông thôn mới.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH ngay tại khu vực nông nghiệp và nông thôn, tạo cơ hội chuyển đổi nghề nghiệp cho nông dân ở nông thôn và vùng ven đô. Trong nỗ lực tái cơ cấu kinh tế, Việt Nam đặc biệt chú trọng đẩy nhanh tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường. Bên cạnh ưu tiên đầu tư hạ tầng nông nghiệp, chúng ta cần tập trung tháo gỡ tắc nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp; cần lựa chọn ngành hàng chiến lược để phát triển các chuỗi ngành/sản phẩm liên kết từ sản xuất - chế biến - phân phối; cần ưu tiên phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp nhằm tăng giá trị và sức cạnh tranh nông sản, làm cho sản phẩm từ nông nghiệp nông thôn có thể gần với chuỗi giá

trị toàn cầu. Trong sự liên kết này, vai trò của doanh nghiệp có ý nghĩa quyết định, trở thành khâu nối kết sản xuất với thị trường một cách hiệu quả nhất; xã hội sẽ sản xuất cái thị trường cần với hiệu quả cao nhất. Từ đó, các sản phẩm của ngành nông nghiệp có điều kiện liên kết với công nghiệp chế biến, cung ứng thực phẩm và lương thực sạch theo nhu cầu của thị trường trong nước và trên thế giới, tham gia sâu vào chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu.

Đối với lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, cần nâng cao chất lượng tăng trưởng, sử dụng lao động có nhiều kỹ năng và công nghệ sáng tạo để phát triển. Những thành tựu vượt bậc của Việt Nam trong phát triển và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đang trở thành một mũi đột phá của phát triển. Nhiều ý tưởng sáng tạo, độc đáo trong lĩnh vực ICT đã làm cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ đạt được bước tiến vượt bậc trong “khởi nghiệp” với các ý tưởng sáng tạo, độc đáo, có sức lan tỏa mạnh.

Trong lĩnh vực dịch vụ, việc đẩy mạnh sự nghiệp y tế, giáo dục, khai thác lợi thế về du lịch biển đảo, các thắng cảnh, liên kết các điểm đến trong một mạng lưới có ý nghĩa quan trọng đến nâng cao mức sống và năng suất lao động của người dân, khi nhân loại đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Các diễn biến phức tạp về biến đổi khí hậu và tình trạng nước biển dâng đang gây nguy hại trên thế giới và ở Việt Nam, như đã thấy ở đồng bằng sông Cửu Long, ven biển miền Trung và cả ở miền núi phía Bắc từ đầu năm nay. Điều này đòi hỏi cần có quan điểm phát triển thân thiện với môi trường, tăng cường khả năng chống chịu trước các tác động cực đoan khó lường về

môi trường. Thậm chí, các giải pháp đưa ra lúc này cần có quan điểm sáng tạo, vượt trội và thích ứng với giai đoạn mới, với tầm nhìn dài hạn.

Trong Báo cáo của WB-MPI [10], các chuyên gia quốc tế và Việt Nam nhấn mạnh các mục tiêu tăng trưởng có chất lượng với một xã hội phát triển toàn diện. Để thực hiện mô hình tăng trưởng hài hòa, bao trùm, Báo cáo đã nhấn mạnh ba trụ cột cần coi trọng: *Một là*, thịnh vượng về kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường. Mục tiêu này đạt được khi coi trọng khu vực tư nhân, phát huy động lực của quá trình đô thị hóa được kiểm soát và phát triển khoa học công nghệ (KHCN) sáng tạo... *Hai là*, bảo đảm công bằng xã hội và hòa nhập xã hội, tạo cơ hội cho các tầng lớp còn yếu thế như người thiểu số, người khuyết tật... Trong lĩnh vực xã hội, cần chú trọng đến phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội. *Ba là*, xây dựng một nhà nước có năng lực và có trách nhiệm giải trình. Điều này tương ứng với việc hoàn thiện ba bộ phận quan trọng cần tôn trọng trong phát triển là kinh tế thị trường, xã hội dân sự và nhà nước pháp quyền.

Trong trụ cột đầu tiên (xây dựng đất nước thịnh vượng, bên cạnh việc tăng NSLĐ dựa vào đổi mới sáng tạo KHCN, bảo vệ môi trường để nâng cao chất lượng phát triển), một vấn đề quan trọng liên quan đến động lực phát triển của đất nước là coi trọng khu vực tư nhân. Đây là một quan điểm quan trọng bậc nhất để tạo nên động lực phát triển trong nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập trong cả trước mắt và có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Trong trụ cột thứ hai, vấn đề chính là hiểu về công bằng theo cách hài hòa, tạo cơ hội cho mọi người, chú ý người yếu thế trong phát triển.

Vai trò của nhà nước kiến tạo và phục vụ là rất quan trọng để tạo ra môi trường vĩ mô cho phát triển.

3. Động lực phát triển kinh tế trong giai đoạn mới

Động lực hiểu theo nghĩa rộng trong nền kinh tế là tổng hòa tác động của các nhân tố, tạo ra lực tác động một cách trực tiếp và nhất là gián tiếp thúc đẩy phát triển với cường độ khác nhau các hành động của tổ chức và con người tham gia hoạt động trong nền kinh tế thị trường [1].

Trong việc tạo ra các lực đó có thể nêu ra một số nhân tố quan trọng bậc nhất sau:

- Cải cách thể chế. Điều đó tạo nên đột phá mới, tháo cởi và từng bước cải tiến. Nhưng động lực này đã giảm dần. Lúc này, do độ phức tạp của nền kinh tế trong và ngoài nước cao hơn nên cần đi sâu cải cách hệ thống (hướng tới thị trường hội nhập và phát triển mạnh khu vực tư nhân), tạo động lực, giải phóng sức sản xuất trong liên kết với thị trường thế giới. Cải cách thể chế cần dựa trên tư duy sáng tạo về phát triển gắn với kinh tế thị trường và hội nhập. Như Báo cáo của WB-MPI [10] đã nêu rõ, cần phân định rõ sân chơi trong mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và cộng đồng xã hội, đảm bảo luật chơi và cơ chế thực sự hiệu quả để bộ máy nhà nước đại diện cho quyền lợi đại đa số người dân. Nhà nước tạo môi trường và luật chơi để đảm bảo công bằng về cơ hội, tập trung vào hoạt động công ích, phúc lợi xã hội, hạn chế tối đa các chính sách và hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận.

- Coi trọng khu vực tư nhân trong nền kinh tế thị trường. Các cải cách trước đây dành nhiều cho doanh nghiệp nhà nước

(DNNN) và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Ở khu vực tư nhân, nhiều doanh nghiệp ngày càng nhỏ lại về quy mô (bình quân nay chỉ còn khoảng dưới 20 lao động/doanh nghiệp), với kỹ thuật lạc hậu; không đủ sức liên kết được với nhau, với DNNN hay khu vực FDI và hướng ra thế giới. Một số doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn gặp nhiều khó khăn do phần lớn còn làm ăn theo kiểu “quan hệ”, có tính chất chụp giật. Như vậy, khu vực kinh tế nội địa còn chưa được bung ra phát triển với năng suất lao động ngày càng cao.

- Phát triển bền vững trong hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong điều kiện mới, Việt Nam không thể đứng một mình. Các cam kết hiệp định thương mại tự do (FTA) với 55 nước (trong đó có FTA với Liên minh Châu Âu và nhóm 12 nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương) là tốt. Nhưng cần tạo sự hài hòa giữa các cam kết với khuôn khổ pháp luật trong nước, trong điều kiện nước ta đã có Hiến pháp mới 2013. Như vậy, hội nhập quốc tế cũng tạo thêm động lực, bổ sung ngoài cho sự phát triển đất nước.

Đối với tăng trưởng hài hòa, bao trùm, động lực phát triển liên quan tới ba trụ cột chính của chiến lược tăng trưởng bao trùm, gắn với sự phát triển con người toàn diện: (1) tăng việc làm có năng suất; (2) cải thiện hệ thống y tế, giáo dục và (3) đổi mới hệ thống bảo trợ xã hội.

Để tăng việc làm có năng suất, Việt Nam cần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; tăng hiệu suất kinh tế và sự kết nối công nghệ cũng như nuôi dưỡng sự sáng tạo; chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, làm dịch vụ, nối tiếp với các doanh nghiệp lớn có khả năng làm chủ và vươn ra thế giới. Để đảm bảo tăng NSLĐ một cách ổn định, Việt Nam cần chú trọng cải cách và

hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; coi đó là yêu cầu cấp thiết mang tính chiến lược nhằm khơi dậy và giải phóng các tiềm năng của đất nước; cần đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế; bảo đảm thị trường giữ vai trò quan trọng trong phân bổ nguồn lực; đồng thời có công cụ và chính sách điều tiết hiệu quả (phân phối và phân phối lại) để bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội; cần quyết tâm đẩy nhanh cải cách và cổ phần hóa DNNN, nhất là các tập đoàn kinh tế nhà nước; tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi nhất cho mọi người dân và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần phát triển sản xuất kinh doanh. Điều đó có thể làm cho tỷ trọng về số lượng và thu nhập của DNNN có thể giảm đi, nhưng chất lượng (nhất là chất lượng quản trị) tăng lên, từ đó tạo ra NSLĐ cao hơn.

Thực tiễn đổi mới trong 30 năm qua ở Việt Nam đã chứng minh rằng, cải cách kinh tế và đẩy mạnh hội nhập quốc tế là lựa chọn đúng đắn, xuất phát từ nhu cầu phát triển nội tại của đất nước, đồng thời đưa sự phát triển của Việt Nam bắt nhịp với dòng chảy chung của thế giới. Vì vậy, quyết tâm cải cách kinh tế đi đôi với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế là phương thức cơ bản để tạo sức bật mới cho Việt Nam phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững trong thời gian tới. Cải cách kinh tế cần gắn kết tương hỗ với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, bởi chúng ta không thể vỗ tay chỉ bằng một bàn tay. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế vừa là cơ hội, vừa là động lực thúc đẩy cải cách kinh tế ở trong nước. Mặt khác, hội nhập quốc tế chỉ có hiệu quả nếu được gắn kết chặt chẽ với cải cách kinh tế trong một chiến lược tổng thể.

Năng suất ngày càng cao và thực hiện đổi mới sáng tạo KHCN chính là động lực

cho tăng trưởng mạnh mẽ và bền bỉ trong tương lai. Điều này đòi hỏi phải kiên trì khắc phục một vấn đề hiện nay là, NSLĐ xã hội tăng chậm lại, đầu tư dài hạn (đặc biệt là đầu tư hạ tầng đô thị và đầu tư cho năng lực đổi mới sáng tạo) kém hiệu quả. Lý giải cho hiện tượng tăng năng suất đang chậm lại, Báo cáo của WB-MPI [10] chỉ rõ, hiện đầu tư công chưa hiệu quả như mong đợi do các quyết định đầu tư còn thiếu đồng bộ, thiếu phối hợp trong một cấu trúc nhà nước cát cứ và manh mún, hướng tới lợi ích cục bộ (trong đó, nhà nước sa vào kinh doanh hơn là làm nhiệm vụ kiến tạo phát triển, thực hành chức trách phục vụ và liêm chính). Yếu kém hiện nay không chỉ là hệ thống pháp luật, tổ chức và thực thi công vụ của công chức, mà còn là tình trạng thiếu cơ cấu tầng bậc hợp lý, thiếu phân công vai trò và nhiệm vụ trong chính quyền trung ương, giữa trung ương và địa phương gây ảnh hưởng đến hoạch định và triển khai chính sách.

Bên cạnh đó, phần lớn các DNNN Việt Nam đang hoạt động thiếu hiệu quả. Tình trạng Nhà nước đầu tư dàn trải, thiếu hiệu quả khiến cho năng suất thấp bao trùm cả nền kinh tế. Trong khi đó, mức tăng năng suất của khu vực tư nhân trong nước liên tục giảm do khó khăn về thị trường làm cho hiệu quả của khu vực này cũng thấp như khu vực DNNN. Theo lý giải của nhóm chuyên gia Việt Nam và WB, thực tế này bắt nguồn từ hai nguyên nhân: *Thứ nhất*, nền tảng thể chế kinh tế thị trường hiện đại chậm hoàn thiện; điều đó gây phương hại đến quyền sở hữu tài sản và làm giảm tính cạnh tranh trên các thị trường hàng hóa. *Thứ hai*, thị trường các yếu tố sản xuất bị chi phối bởi sự kết hợp không rõ ràng giữa phân bổ theo thị trường và phân bổ bằng

mệnh lệnh hành chính. Thiết chế công bị thương mại hóa khi Nhà nước tham gia quá nhiều vào hoạt động kinh tế trực tiếp qua các DNNN, và gián tiếp thông qua vận động chính sách của các nhóm lợi ích. Kết quả là, phân bổ đất đai và vốn dựa vào các quyết định hành chính, mà ít thông qua tín hiệu thị trường. Thêm vào đó, thị trường đất đai bất cập hiện cũng đang gây tổn hại cho năng suất. Sức ép môi trường đe dọa tăng trưởng bền vững của Việt Nam trong dài hạn, bởi vì theo đánh giá, tăng trưởng trong 25 năm qua phần nào có được với cái giá phải trả về môi trường khá lớn (tài nguyên cạn kiệt, ô nhiễm môi trường ở đô thị, những nguy cơ đe dọa sức khỏe nghiêm trọng, những năm gần đây mức tăng phát thải khí nhà kính của Việt Nam vào loại cao trên thế giới...).

Nhóm chuyên gia xây dựng Báo cáo của WB-MPI [10] cho rằng, khi bước vào quỹ đạo tăng trưởng cao và hiện đại hóa kinh tế, Việt Nam phải phát triển doanh nghiệp tư nhân, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ các cụm công nghiệp gắn kết với chuỗi giá trị toàn cầu, cũng như thu hút và tập trung nhân tài, nhất là các vùng đô thị lớn như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ; cần bảo đảm bền vững về môi trường, nghĩa là phải bảo vệ ba yếu tố chính chất lượng nguồn tài nguyên thiên nhiên; lòng ghép khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu vào kế hoạch kinh tế, chính sách ngành vào đầu tư hạ tầng; đồng thời quan tâm đến các nguồn năng lượng sạch thông qua xuất nhập khẩu năng lượng trong khu vực. Quá trình tăng trưởng bền vững, bao trùm và có sức chống chịu đòi hỏi phải có thể chế và chính sách mạnh để phối hợp hành động và đầu tư; đầu tư thông minh nhằm tính đầy đủ các phí tổn về khí

hậu và môi trường. Trong điều kiện biến đổi khí hậu, phát triển bền vững một cách toàn diện còn khó khăn thì tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam, là một động lực thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng cũng như góp phần quan trọng vào ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đang nỗ lực thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với trọng tâm giảm khí thải nhà kính, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch và tái tạo, khuyến khích phát triển các ngành sử dụng hiệu quả tài nguyên và thân thiện với môi trường, thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Thêm vào đó, nếu căn cứ theo 17 mục tiêu phát triển bền vững được Liên Hợp Quốc thông qua năm 2015 và thực hiện từ 2016 - 2030 với hàng trăm chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể thì sự nỗ lực của Việt Nam cần được đẩy mạnh hơn nữa.

Bên cạnh đó, Việt Nam cần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế bằng một chiến lược dài hạn, trong đó dành ưu tiên hàng đầu cho các lĩnh vực phát triển xã hội như y tế, giáo dục và đào tạo. Lợi thế lớn nhất của Việt Nam chính là con người và cơ cấu dân số thuận lợi với một lực lượng lao động trẻ dồi dào và còn tiếp tục tăng lên hàng chục năm nữa. Phát triển giáo dục và đào tạo, trang bị các kỹ năng nghề gắn với nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp là phương thức tốt nhất để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời bảo đảm mọi người dân bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội thụ hưởng thành quả phát triển và lợi ích của hội nhập quốc tế. Vì vậy, trong chiến lược phát triển đến năm 2020 và thời kỳ sau đó, Việt Nam cần quyết tâm đổi mới căn bản, toàn diện giáo

dục và đào tạo nhằm tạo chuyển biến mạnh về chất lượng giáo dục, đào tạo, bảo đảm phát huy tốt nhất tiềm năng và năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ CNH, HĐH đất nước. Để cải thiện hệ thống giáo dục, y tế, Việt Nam cần cải thiện chất lượng và mở rộng tiếp cận giáo dục trước tiểu học, giáo dục bậc cao, đào tạo nghề; đồng thời, cần tiến hành đánh giá toàn diện các cải cách xã hội trước khi nhân rộng. Mọi người đều rõ, đẩy mạnh chất lượng của hệ thống y tế, giáo dục, liên quan đến nâng cao chất lượng con người, đảm bảo cho học hỏi và đổi mới sáng tạo. Báo cáo của WB-MPI [10] cho rằng, để duy trì tăng trưởng cao trong một thời gian dài cần có một chương trình cải cách tích cực nhằm đẩy mạnh học hỏi và đổi mới sáng tạo. Theo đó, xây dựng một hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia chính là cách thức để cải thiện tình hình hiện nay, làm tăng động lực học hỏi và đổi mới sáng tạo.

Để bảo đảm kinh tế Việt Nam tăng trưởng bền vững thì chương trình cải cách của quốc gia phải tạo dựng môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước, trọng tâm trước mắt là nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả cho doanh nghiệp trong nước. Tái cơ cấu và cổ phần hóa DNNN vẫn quan trọng nhưng sẽ là không đủ. Khu vực tư nhân trong nước còn non yếu, điều đó đòi hỏi Việt Nam cần quan tâm nhiều hơn đến các việc: củng cố nền tảng thể chế kinh tế thị trường, bảo vệ quyền sở hữu tài sản, thực thi có hiệu lực các chính sách bảo đảm cạnh tranh; vận hành và quản lý tốt khu vực tài chính cạnh tranh...

Đối với hệ thống bảo trợ xã hội, Việt Nam cần thực hiện các biện pháp khuyến

khích nhằm đạt mục tiêu: bảo hiểm y tế toàn dân; hệ thống bảo hiểm xã hội tự chi trả; xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội... Báo cáo của WB-MPI [10] đã nêu rõ, phát triển kinh tế thị trường cần theo hướng tạo lập phúc lợi và an sinh xã hội cho tất cả mọi người, thúc đẩy hòa nhập xã hội. Sự chia sẻ lợi ích trong quá trình tăng trưởng cần hướng đến người nghèo và các nhóm xã hội yếu thế, đặc biệt là trẻ em trong các gia đình nghèo để tránh nguy cơ nghèo truyền kiếp qua nhiều thế hệ. Việt Nam cần khuyến khích các sáng kiến, nỗ lực và sự tham gia của người dân trong các hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản, đảm bảo chất lượng và thuận lợi cho các nhóm dễ bị tổn thương như đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật, lao động di cư ở đô thị, nhằm góp phần giảm nghèo bền vững.

Hệ thống an sinh xã hội cần bảo đảm công bằng cho mọi người. Chẳng hạn, muốn có thêm nguồn lực từ ngân sách nhà nước, cần có quy định về đánh thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân một cách hài hòa hơn. Với người nghèo thì tính chi ly thu nhập (nói chung ít sót), nhưng với người giàu họ thường có nhiều mảnh trốn thuế để thu lợi mà vẫn kêu ca nhà nước. Do đó, cần có những hệ thống liên quốc gia để kiểm soát thu nhập và tái phân phối một cách hiệu quả. Với các doanh nghiệp, cần có hệ thống pháp luật và kiểm tra chéo ngày càng đa dạng để chống chuyển giá.

4. Một số quan điểm, giải pháp và kiến nghị chính sách

4.1. Quan điểm

Một là, chuyển từ phương thức tăng trưởng đơn giản, quảng canh (tăng trưởng bằng

mọi giá, sử dụng nhiều “đầu vào”, nhân tăng trưởng chỉ vì người nghèo, hoặc dàn đều giữa các địa phương...) sang phương thức tăng trưởng hài hòa, thông minh hơn (tăng trưởng theo chiều sâu là chính, tăng trưởng trên cơ sở tạo cơ hội cho mọi người cùng phát triển). Đây là quan điểm ngày càng được thống nhất. Nhưng hài hòa không có nghĩa là cào bằng. Chẳng hạn, để Tp. Hồ Chí Minh có thể là nơi phát triển mạnh nhất, trở thành đầu tàu cho kinh tế cả vùng, cả nước thì cần trao cho Tp. Hồ Chí Minh một số cơ chế đặc thù. Cũng vậy, nếu Phú Quốc là một đặc khu kinh tế thì quản trị của huyện đảo này phải được chuyển đổi, không thể chỉ coi đó như một huyện thông thường, mà cần có cơ chế riêng cho đặc khu này để nó có thể phát huy hết năng lực thu hút vốn, công nghệ và quản lý hiện đại, tạo ra khâu đột phá cho kinh tế cả nước, ngang tầm thời đại.

Hai là, phát triển hài hòa đòi hỏi có phương thức quản lý và hệ thống tiêu chí mang tính đa mục tiêu để tất cả các bộ phận hợp thành có thể phát huy hết lợi thế so sánh và tác động liên kết, lan tỏa trong hệ thống vẹn toàn, thích ứng với điều kiện thế giới đang chuyển động của thời kỳ cách mạng KHCN hiện đại. Phương thức quản trị mới này đòi hỏi cần được kết nối với hệ thống quản trị toàn cầu trong thế giới phẳng. Khi đó, Việt Nam phải tuân thủ cái phổ biến, phổ quát của thời đại toàn cầu hóa mà không phải ngược lại.

Ba là, phát triển hài hòa phải hướng tới mục tiêu tối thượng vì con người, phù hợp với quan điểm phát triển bền vững của nhân loại. Các Mục tiêu Thiên niên kỷ được Liên Hợp Quốc thông qua năm 2015, hướng tới năm 2030 gồm 17 tiêu chí và hàng trăm chỉ tiêu cụ thể chính là các

thành phần của chương trình hành động quốc gia trong dài hạn.

4.2. Giải pháp

Một là, trong phát triển hài hòa, thể chế vận hành của cả nước cần có những chuyển biến thích ứng, kể cả sửa đổi luật pháp, cơ chế, quy tắc... Đây là yếu tố thể chế cần được quan tâm trước hết. Từ đó, mới có thể có bộ máy và viên chức tương ứng để điều hành quá trình phát triển, thích ứng với nền kinh tế toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng. Thể chế vượt trội, ngang tầm thời đại, chứ không chỉ tốt hơn là yêu cầu của quan điểm hài hòa một cách hiệu quả.

Hai là, phát triển hài hòa phải coi trọng nhân tố con người, chú trọng các yếu tố về phát triển xã hội, văn hóa và bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế phải coi khu vực kinh tế tư nhân và nền kinh tế bản địa như động lực chủ yếu của phát triển, tận dụng các thành tựu KHCN mới nhất. Trong thời đại toàn cầu hóa, vấn đề dân tộc chỉ có thể thực hiện được khi gắn kết với các lợi thế của thời đại.

Ba là, phải giải quyết vấn đề tạo tích lũy vốn với tiến bộ và đổi mới KHCN để tạo nên sự phát triển vượt trội mang tính thời đại, chống lại quá trình bị xâm lược của thực dân kiểu mới do chấp nhận các nguồn vốn đi kèm công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm, cuối cùng làm giảm sức cạnh tranh của đất nước. Trong điều kiện mới, cần lựa chọn các nhà đầu tư quốc tế hàng đầu để đưa đất nước có sản phẩm và dịch vụ có sức cạnh tranh mạnh nhất, trong cả các lĩnh vực truyền thống như nông nghiệp, công nghiệp vừa và nhỏ...

4.3. Kiến nghị

Phát triển hài hòa, bao trùm là cả một quá trình tiệm cận với sự hợp lý và công bằng. Một khi mô hình tăng trưởng hiện tại còn nhiều khiếm khuyết thì quá trình chuyển đổi cũng diễn ra qua nhiều giai đoạn. Do vậy cần phải:

- Quán triệt việc chuyển đổi sang mô hình phát triển hài hòa, thể chế hóa quan điểm đó bằng các luật lệ và bộ máy thích ứng, không chấp nhận cách làm nửa vời, vì không thể thích ứng với thời đại cạnh tranh gay gắt. Như vậy, để chuyển đổi mang tính hệ thống, cần chuyển biến trong cả hệ thống (không nên làm đổi mới do áp lực từ cơ sở và quốc tế, sẽ thụ động và mất thời cơ).

- Có những khâu đột phá. Với các vấn đề mới, chấp nhận cho làm thử nghiệm để rút kinh nghiệm và từ đó mở rộng ra toàn quốc một cách chủ động, không cần “phả rào” (mà phải hành động thông minh do nhận thức chủ động của cơ quan lãnh đạo).

- Có lộ trình phù hợp, trong đó 5 năm trước mắt là giai đoạn chuẩn bị để những năm sau tiến bước mạnh mẽ. Như vậy, trong một số năm có thể chấp nhận tốc độ tăng trưởng tương đối không cao để xây dựng mô hình kinh tế mới, có chất lượng cao và sức cạnh tranh cao hơn. Từ đó, xây dựng chương trình hành động cụ thể, thích hợp với từng ngành, địa phương, không “nói nhiều làm ít”, không chấp nhận cách nói như nghị quyết, nhưng làm lựa chọn theo lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm.

5. Kết luận

Triết lý phát triển hài hòa, vừa tạo cơ hội cho mọi người, không để ra “ngoài lề” các

tầng lớp yếu thế để trong quá trình từng bước phát triển, mọi thành viên của xã hội có thể được thụ hưởng thành quả. Để có sự phát triển hài hòa cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó cần tăng cường vai trò làm gương của người lãnh đạo, có những bước đi đột phá vượt trội và cả bước đi phù hợp, chấp nhận một số hệ quả không mong muốn, như tốc độ tăng trưởng chưa cao ngay để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Hùng Cường (Chủ biên) (2016), *Kinh tế tư nhân - một động lực cơ bản cho phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Ngô Thắng Lợi (2015), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Đề tài khoa học cấp Nhà nước Phát triển bền vững*, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Quang Thái (2016), *Tụt hậu và tụt hậu xa hơn, Diễn đàn kinh tế Việt Nam*, Viện Kinh tế Việt Nam, Hà Nội.
- [5] UNDP (2015), *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2015*, Hà Nội.
- [6] ADB (2011), Justine George (St Paul's College, Kalamassery), *Growth and Development... Inclusive Growth: What went wrong with Development?* MPRA 33182.
- [7] IMF (2013), Rahul Anand, Saurabh Mishra, Shanaka J Peiris *Inclusive growth revisited: Measurement and evolution*, Washington D.C, 17 August.
- [8] WB (2009), Elena Ianchovichina and Susanna Lundstrom, Economic Policy and Debt Department, Economic Policy Division: *Inclusive Growth Analytics Framework and Application*, March, WPS4851.
- [9] UNDP (2013), Rafael Ranieri and Raquel Almeida Ramos, *Inclusive Growth: Building up a Concept*, Working Paper number 104, March.
- [10] WB - MPI (2016), *Viet Nam 2035*, Hanoi - Washington.